

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 4 - 2024

Về việc "Ly hôn và nuôi con  
sau khi ly hôn".

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đình Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Đức Phúc và bà Lê Thị Huyền;

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023 về việc "Ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** anh **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1987 "có mặt";

Địa chỉ: thôn N1, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- **Bị đơn:** chị **Đào Hồng H**, sinh năm 1993 "có đơn xin xét xử vắng mặt";

Nơi đăng ký HKTT: thôn N1, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: thôn 4, xã H1, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

- **Người làm chứng:**

+ Bà Trần Thị H2, sinh năm 1962 (mẹ anh N); trú tại: thôn N1, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên "vắng mặt".

+ Bà Nguyễn Thị H3 (P1), sinh năm 1954 (mẹ chị H); trú tại: thôn 4, xã H1, huyện A, tỉnh Hưng Yên "vắng mặt".

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn, anh Nguyễn Trọng Nam trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Trọng N và chị Đào Hồng H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 24/7/2017. Sau khi tổ chức lễ cưới chị H về gia đình nhà anh N chung sống tại thôn N1, xã

M, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 05 năm, đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề tình cảm hai vợ chồng không tin tưởng nhau; anh N cho rằng chị H có quan hệ ngoại tình, sống thờ ơ lạnh nhạt với chồng con và không quan tâm, có trách nhiệm gì với gia đình. Đến ngày 27/11/2022 chị H bỏ nhà đi ra ngoài ở trọ, bố mẹ hai bên gia đình đều biết và có khuyên nhủ chị H thương con, vì con mà quay về vợ chồng chung sống để con đỡ khổ nhưng chị H không đồng ý. Hai vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ ngày 27/11/2022 cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù chị H đã được Tòa án gửi thông báo và các văn bản giấy tờ cho bà Nguyễn Thị H3 (P1) nhận hộ và đã giao cho chị H nhưng chị H không đến Tòa án làm việc để gây khó khăn cho anh N. Đến nay, anh N thấy mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nữa, nên anh N xin được ly hôn với chị H theo quy định của pháp luật để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim N2, sinh ngày 03/5/2018 hiện đang ở với anh N. Nay vợ chồng ly hôn anh N xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N2 và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc chị H xin nuôi con anh N không đồng ý.

Về tài sản chung: anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và lời khai của bị đơn chị Đào Hồng H khai:*

Về quan hệ hôn nhân: việc vợ chồng kết hôn chị Đào Hồng H trình bày phù hợp với lời khai của anh N. Sau khi tổ chức cưới xong chị H về gia đình nhà anh N sinh sống tại thôn N1, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 05 năm, đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do: trong cuộc sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng sống không có hạnh phúc nên chị H đã bỏ nhà đi ra ngoài ở trọ và vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ ngày 27/11/2022 cho đến nay, hai người không quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N đã hết, không hàn gắn được nữa. Việc anh N khởi kiện xin ly hôn chị H nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim N2, sinh ngày 03/5/2018, hiện đang ở với anh N. Nay vợ chồng ly hôn chị H nhất trí giao cháu N2 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người làm chứng:*

- Bà Trần Thị H2 (mẹ anh N) có ý kiến:

Sau khi kết hôn, chị H về chung sống cùng với gia đình bà như anh, chị trình bày là đúng. Vợ chồng anh N và chị H sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân trong cuộc sống sinh hoạt đời thường, dẫn đến hai bên không tin tưởng nhau và chị H bỏ nhà đi thuê trọ ở bên ngoài, hai bên gia đình có khuyến bảo các cháu để quay về đoàn tụ cùng làm ăn, nuôi con nhưng cháu H không đồng ý. Nay cháu N có đơn khởi kiện xin ly hôn cháu H, quan điểm của gia đình bà rất mong muốn các cháu về đoàn tụ, trường hợp không được do các cháu tự quyết định. Hai vợ chồng cháu có 01 con chung hiện nay đang ở với anh N và đi học tại xã M, huyện P. Nếu các cháu ly hôn, quan điểm của gia đình bà H2 nên cho cháu N được nuôi con chung, gia đình bà vẫn tiếp tục tạo điều kiện cho bố con cháu N có nơi ăn, chốn ở một cách tốt nhất, cháu N đi làm vợ chồng tôi sẽ có trách nhiệm giúp đưa đón cháu N2 đi học.

- Bà Nguyễn Thị H3 (mẹ chị H) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà H3 nhất trí như ý kiến cháu N trình bày.

Về con chung: vợ chồng cháu N và H có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim N2, sinh ngày 03/5/2018 hiện đang ở với cháu anh N; việc ăn ở, sinh hoạt, học tập của cháu N2 rất tốt và không có bất cứ khó khăn gì. Các cháu ly hôn tôi có ý kiến để cho cháu N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sẽ đảm bảo cháu N2 có cuộc sống tốt.

- Nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P cung cấp phù hợp với lời trình bày của nguyên, bị đơn về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, hoàn cảnh và điều kiện hiện tại của mỗi người, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn chị Đào Hồng H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt, các người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án; nên đề nghị HĐXX căn cứ các điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và các người làm chứng.

- Về đường lối giải quyết vụ án: qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và trực tiếp tham gia phiên tòa, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị H đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai người đều nhất trí ly hôn và chị H thay đổi quan điểm đồng ý để anh N được nuôi 01 con chung, phù hợp yêu cầu của anh N; nên căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng N. Xử cho anh Nguyễn Trọng N được ly hôn chị Đào Hồng H. Về con chung: giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu: Nguyễn Kim N2, sinh ngày 03/5/2018 đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi; chấp nhận tự nguyện của anh N không yêu cầu chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: anh Nguyễn Trọng N là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: anh Nguyễn Trọng N và chị Đào Hồng H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 24/7/2017 theo quy định của pháp luật. Chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N1, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N có đơn khởi kiện xin ly hôn chị H, nên Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn nhưng chị Đào Hồng H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt và các người làm chứng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Trọng N và chị Đào Hồng H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên ngày 24/7/2017 là hoàn toàn hợp pháp. Nay anh N có đơn xin ly hôn chị H sẽ được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 05 năm, đến ngày 27/11/2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều, nhưng nguyên chính là do hai người không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm. Anh N cho rằng chị H sống thờ ơ, lạnh nhạt với chồng con, không quan tâm và có trách nhiệm gì với gia đình. Chị H cho rằng trong cuộc sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng sống không có hạnh phúc nên chị H đã bỏ nhà đi ra ngoài ở trọ và vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ ngày 27/11/2022 cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình đều khuyên bảo để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng anh N và chị H không hóa giải được mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập nhiều lần đối với chị H, tuy nhiên chị H có ý

kiến về việc giải quyết vụ án, nhưng sau đó chị H không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập và anh chị cũng không gặp nhau và đoàn tụ được. Qua lời trình bày của: bà Trần Thị H2 (mẹ anh N) và bà Nguyễn Thị H3 (P1 - mẹ chị H) về việc chị H không đến Tòa án làm việc nhằm mục đích gây khó khăn cho phía nguyên đơn và kéo dài tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

Đến nay, xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Trọng N và chị Đào Hồng H đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị H của anh N và cũng phù hợp với ý kiến của chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh N đến nay không còn và nhất trí ly hôn. Do vậy, Đơn khởi kiện xin ly hôn chị H của anh N là có cơ sở, nên được chấp nhận giải quyết cho anh N và chị H được ly hôn để mỗi bên tự ổn định cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: anh Nguyễn Trọng N và chị Đào Hồng H có 01 chung là cháu Nguyễn Kim N2, sinh ngày 03/5/2018. Nay ly hôn, anh N xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N2 đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H đồng ý để cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Xét cháu N2 hiện đang sinh sống với anh N và đang đi học mẫu giáo ổn định tại xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên và anh N có công việc ổn định, nên giao cháu Nguyễn Kim N2 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và bảo đảm được quyền lợi tốt nhất cho con chung.

[4]. Về phần tài sản chung: anh N và chị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không có công sức đóng góp gì cho hai bên gia đình, nay ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[5]. Về án phí: nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trọng N được ly hôn chị Đào Hồng H.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Kim N2, sinh ngày 03/5/2018 cho anh Nguyễn Trọng N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị Đào Hồng H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh N. Sau khi ly hôn, chị Đào Hồng H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

3. Về phần tài sản, công sức, nợ nần: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N phải chịu 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào khoản tiền anh N đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006300 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Anh Nguyễn Trọng N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: anh Nguyễn Trọng N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đào Hồng H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND huyện P;
- Chi cục THA dân sự huyện P;
- UBND xã M, P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Hiền**

